PHỤ LỤC 01
CHI TIẾT CÁC LOẠI PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH
(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
1	**Phí thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Dự án nhóm A (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)		đồng/báo cáo	20.000.000		
b	Dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)		đồng/báo cáo	13.000.000		
c	Dự án nhóm C (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công)		đồng/báo cáo	7.500.000		
2	**Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định đề án, báo cáo thăm dò đánh giá trữ lượng, khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Đề án thiết kế giếng, khai thác, sử dụng nước có lưu lượng từ trên 10 m^3/ngày đêm đến dưới 1.000 m^3/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	2.600.000		
b	Đề án thiết kế giếng, khai thác, sử dụng nước có lưu lượng từ 1.000 m^3/ngày đêm đến dưới 3.000 m^3/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	5.000.000		
c	Đề án thiết kế giếng, khai thác, sử dụng nước có lưu lượng từ 3.000 m^3/ngày đêm đến dưới 5.000 m^3/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	8.500.000		
d	Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định nêu trên.					
3	**Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô nhỏ và vừa (hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách không vượt quá 250mm và thuộc công trình có lưu lượng dưới 3.000 m3/ngày đêm)		đồng/hồ sơ	1.400.000		
b	Hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn (hành nghề khoan và lắp đặt các giếng khoan nước dưới đất có đường kính ống chống hoặc ống vách trên 250mm và thuộc công trình có lưu lượng từ 3.000 m3/ngày đêm trở lên)		đồng/hồ sơ	4.400.000		

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
c	Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh cấp phép hành nghề khoan nước dưới đất áp dụng mức thu bằng 30% mức thu theo quy định nêu trên.					
d	Trường hợp cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất áp dụng mức thu 0 đồng					
4	**Phí thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định đề án khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
4.1	Đối với nước mặt					
a	Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống,trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ trên 0,5 m^3/giây đến dưới 05 m^3/giây;Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ trên 50 kw đến dưới 15.000 kw; Các mục đích khác với lưu lượng từ 100 m^3/ngày đêm đến dưới 20.000 m^3/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	4.400.000		
b	Công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi hoặc cụm công trình cống, trạm bơm khai thác nước mặt trong hệ thống công trình thủy lợi (không xác định được cụ thể nhu cầu, quy mô khai thác của từng cống,trạm bơm) để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô hoặc tổng quy mô khai thác nước từ 05 m^3/giây đến dưới 10 m^3/giây;Khai thác nước mặt để phát điện với công suất lắp máy từ 15.000 kw đến dưới 30.000 kw; Các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 m^3/ngày đêm đến dưới 50.000 m^3/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	8.400.000		
c	Công trình ngăn sông, kênh, mương với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương từ trên 30m đến dưới 100 m. Đối với cống ngăn sông, kênh, mương với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ trên 05 m đến dưới 100m		đồng/đề án, báo cáo	4.400.000		

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
d	Công trình ngăn sông, kênh, mương với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan (trừ hồ chứa, đập dâng thủy lợi, thủy điện) có tổng chiều dài hạng mục công trình ngăn sông, suối, kênh, mương từ 100m đến dưới 200 m. Đối với cống ngăn sông, kênh, mương với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có tổng chiều rộng thông nước từ 100 m đến dưới 200m		đồng/đề án, báo cáo	8.400.000		
4.2	Đối với nước biển					
a	Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô từ trên 100.000 m³/ngày đêm đến 500.000 m³/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	4400000		
b	Khai thác nước biển phục vụ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ, nuôi trồng thủy sản trên đảo, đất liền có quy mô từ trên 500.000 m³/ngày đêm đến dưới 1.000.000 m³/ngày đêm		đồng/đề án, báo cáo	8400000		
4.3	Trường hợp thẩm định gia hạn, điều chỉnh nội dung giấy phép áp dụng mức thu bằng 50% mức thu theo quy định nêu trên.					
5	**Phí thẩm định cấp, cấp lại, điều chỉnh giấy phép môi trường**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy phép môi trường hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Đối với các dự án đầu tư thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải, cơ sở		đồng/hồ sơ	11200000		
b	Đối với các dự án đầu tư không thuộc đối tượng phải vận hành thử nghiệm công trình xử lý chất thải		đồng/hồ sơ	5280000		
6	**Phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai**					
6.1	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	Thực hiện thu phí theo quy định tại Thông tư số 56/2024/TT-BTC ngày 31/7/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý, sử dụng phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai từ hệ thống thông tin quốc gia về đất đai.				
6.2	Trường hợp khai thác và sử dụng tài liệu đất đai chưa có trong Hệ thống thông tin quốc gia về đất đai	Cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin, dữ liệu đất đai theo quy định của pháp luật hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.	đồng/hồ sơ	100.000 (không bao gồm chi phí in ấn, phô tô tài liệu (nếu có))	- Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng. - Miễn, giảm phí khai thác và sử dụng tài liệu đất đai được thực hiện theo quy định tại khoản 4 Điều 62 Nghị định số 101/2024/NĐ-CP ngày 29/7/2024 của Chính phủ	Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
7	**Phí thẩm định hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định hồ sơ để thực hiện cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liên với đất trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật.			Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.	Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
7.1	Phí thẩm định hồ sơ cấp Giấy chứng nhận lần đầu					
a	Hộ gia đình, cá nhân		đồng/ 01 giấy chứng nhận	200.000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/ 01 giấy chứng nhận	500.000		
7.2	Phí thẩm định hồ sơ cấp đổi, cấp lại Giấy chứng nhận					
a	Hộ gia đình, cá nhân		đồng/ 01 giấy chứng nhận	400000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/ 01 giấy chứng nhận	600000		
7.3	Phí thẩm định hồ sơ đăng ký biến động về quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất; đính chính giấy chứng nhận đã cấp có sai sót do lỗi của người sử dụng đất, chủ sở hữu tài sản gắn liền với đất					
a	Hộ gia đình, cá nhân		đồng/ 01 giấy chứng nhận	500000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/ 01 giấy chứng nhận	1500000		
8	**Phí cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất**	Cơ quan có thẩm quyền cung cấp thông tin về giao dịch bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật	đồng/giấy chứng nhận	50000	Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.	Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
9	**Phí đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất (bao gồm đăng ký biện pháp bảo đảm, đăng ký văn bản thông báo về xử lý tài sản bảo đảm, đăng ký thay đổi nội dung về biện pháp bảo đảm đã đăng ký, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm)**	Cơ quan có thẩm quyền đăng ký biện pháp bảo đảm bằng quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật			Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng.	Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Hộ gia đình, cá nhân		đồng/giấy chứng nhận	300000		
b	Tổ chức		đồng/giấy chứng nhận	500000		

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
10	**Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động cơ sở thể thao, câu lạc bộ thể thao chuyên nghiệp hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 80% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 20% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động các môn thể thao tập thể: Bóng đá, bóng chuyền, bóng rổ		đồng/giấy chứng nhận	1.200.000		
b	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động các môn thể thao dưới nước		đồng/giấy chứng nhận	1.200.000		
c	Phí thẩm định cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh hoạt động các môn thể thao khác: Thể dục thẩm mỹ, thể hình, các môn phái võ, cầu lông, bóng bàn, tennis		đồng/giấy chứng nhận	1.000.000		
11	**Phí bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống**	Cơ quan có thẩm quyền bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng, vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 70% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 30% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước
a	Bình tuyển, công nhận cây mẹ, cây đầu dòng		đồng/lần công nhận	600.000		
b	Bình tuyển, công nhận vườn giống cây lâm nghiệp, rừng giống		đồng/lần công nhận	2.400.000		
12	**Phí sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè**	Cơ quan có thẩm quyền cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				
12.1	Sử dụng tạm thời một phần vỉa hè					
a	Điểm trông giữ xe phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành lễ hội		đồng/m2/ngày	1.000		
b	Trung chuyển vật liệu, phế thải xây dựng để phục vụ thi công công trình của hộ gia đình		đồng/m2/ngày	10.000		
12.2	Sử dụng tạm thời một phần lòng đường để trông giữ xe ô tô phục vụ hoạt động văn hóa, thể thao, diễu hành lễ hội		đồng/m2/ngày	2.000		
13	**Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản**	Cơ quan thuế theo quy định của pháp luật về quản lý thuế				Cơ quan thu phí nộp 100% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước. Phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản là khoản thu ngân sách địa phương hưởng 100%, được quản lý và sử dụng theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.
a	Các loại cát khác (Cát san lấp, cát xây dựng)		đồng/m3	6000		

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
b	Đất khai thác để san lấp, xây dựng công trình		đồng/m3	2000		
c	Đất sét, đất làm gạch, ngói		đồng/m3	3000		
d	Các loại đất khác		đồng/m3	2000		
đ	Nước khoáng thiên nhiên		đồng/m3	3000		
e	Đối với các loại khoáng sản không quy định tại điểm a, b, c, d, đ khoản này, trường hợp nếu có khoáng sản phát sinh được áp dụng mức thu bằng mức thu tối đa của khoáng sản tương ứng theo quy định tại Biểu khung mức thu phí ban hành kèm theo Nghị định số 27/2023/NĐ-CP ngày 31/5/2023 của Chính phủ Quy định phí bảo vệ môi trường đối với khai thác khoáng sản.					
g	Mức thu phí bảo vệ môi trường đối với khoáng sản tận thu được tính bằng 60% mức thu phí của loại khoáng sản tương ứng					
14	**Phí thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường**	Cơ quan có thẩm quyền thẩm định phương án cải tạo, phục hồi môi trường hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật	đồng/báo cáo	12000000		Tổ chức thu phí quy định tại điểm b, c khoản 1 Điều 5 được để lại 90% số tiền phí thu được để trang trải chi phí hoạt động cung cấp dịch vụ, thu phí theo quy định; nộp 10% số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước

PHỤ LỤC 02

CHI TIẾT CÁC LOẠI LỆ PHÍ THUỘC THẨM QUYỀN QUYẾT ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH

(Ban hành kèm theo Nghị quyết số 01/2026/NQ-HĐND ngày 13 tháng 4 năm 2026 của Hội đồng nhân dân tỉnh Hưng Yên)

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
1	**Lệ phí cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất**	Cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất; trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính hoặc cơ quan được phân cấp ủy quyền theo quy định của pháp luật			Giảm 40% tiền phí đối với người nộp phí là trẻ em, hộ nghèo, người cao tuổi, người khuyết tật, người có công với cách mạng	
1.1	Cấp giấy chứng nhận lần đầu					
a	Cá nhân, hộ gia đình		đồng/giấy chứng nhận	25.000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/giấy chứng nhận	100.000		
1.2	Cấp đổi, cấp lại, đăng ký biến động mà thực hiện cấp mới giấy chứng nhận hoặc chứng nhận biến động vào giấy chứng nhận đã cấp (không bao gồm trường hợp đăng ký biện pháp bảo đảm)					
a	Cá nhân, hộ gia đình		đồng/giấy chứng nhận	20.000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/giấy chứng nhận	50.000		
1.3	Trích lục bản đồ địa chính, văn bản, số liệu hồ sơ địa chính					
a	Cá nhân, hộ gia đình		đồng/trích lục, văn bản	10.000		
b	Tổ chức, cộng đồng dân cư, cơ sở tôn giáo		đồng/trích lục, văn bản	30.000		
2	**Lệ phí cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại Việt Nam**	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép lao động cho người nước ngoài làm việc tại các doanh nghiệp, cơ quan, tổ chức hoạt động trên địa bàn tỉnh hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				
a	Cấp mới giấy phép lao động		đồng/giấy phép	600.000		
b	Cấp lại giấy phép lao động		đồng/giấy phép	450.000		
c	Gia hạn giấy phép lao động		đồng/giấy phép	450.000		
3	**Lệ phí đăng ký kinh doanh**	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật	đồng/lần cấp	50.000		

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
4	**Lệ phí hộ tịch**	Cơ quan có thẩm quyền giải quyết các công việc về hộ tịch hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật			Miễn lệ phí theo quy định tại khoản 1 Điều 11 Luật Hộ tịch năm 2014 đối với những trường hợp: đăng ký hộ tịch cho người thuộc gia đình có công với cách mạng, người thuộc hộ nghèo, người khuyết tật; đăng ký khai sinh, khai tử đúng hạn, giám hộ, kết hôn của công dân Việt Nam cư trú ở trong nước.	
4.1	Đăng ký hộ tịch					
a	Khai sinh đúng hạn		đồng	0		
b	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh không đúng hạn; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)		đồng	10.000		
c	Khai tử đúng hạn		đồng	0		
d	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử không đúng hạn; đăng ký lại khai tử)		đồng	10.000		
đ	đăng ký kết hôn		đồng	0		
e	Đăng ký lại kết hôn		đồng	30.000		
g	Nhận cha, mẹ, con		đồng	20.000		
h	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc		đồng	20.000		
i	Cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân		đồng	20.000		
k	Đăng ký giám hộ			0		
l	Đăng ký chấm dứt giám hộ			0		
m	Đăng ký giám sát việc giám hộ			0		
n	Đăng ký chấm dứt giám sát việc giám hộ			0		
4.2	Đăng ký hộ tịch có yếu tố nước ngoài					
a	Khai sinh (bao gồm: đăng ký khai sinh; đăng ký lại khai sinh; đăng ký khai sinh cho người đã có hồ sơ, giấy tờ cá nhân)		đồng	100.000		
b	Khai tử (bao gồm: đăng ký khai tử; đăng ký lại khai tử)		đồng	100.000		
c	Kết hôn (bao gồm: đăng ký kết hôn; đăng ký lại kết hôn)		đồng	1.500.000		
d	Nhận cha, mẹ, con		đồng	1.500.000		
đ	Đăng ký giám hộ		đồng	60.000		
e	Đăng ký chấm dứt giám hộ		đồng	60.000		
g	Thay đổi, cải chính, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc có yếu tố nước ngoài		đồng	30.000		
h	Ghi vào Sổ hộ tịch việc hộ tịch của công dân Việt Nam đã được giải quyết tại cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài		đồng	100.000		
5	**Lệ phí cấp giấy phép xây dựng**	Cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép xây dựng hoặc cơ quan được phân cấp, ủy quyền theo quy định của pháp luật				

STT	Danh mục	Tổ chức thu	Đơn vị tính	Mức thu	Đối tượng miễn, giảm	Tỷ lệ điều tiết (%)
a	Giấy phép xây dựng nhà ở riêng lẻ		đồng/giấy phép	80.000		
b	Giấy phép xây dựng đối với công trình khác		đồng/giấy phép	160.000		
c	Gia hạn giấy phép xây dựng		đồng/giấy phép	20.000		